

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày 11-11-2019
V/v Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Thanh Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhật Chiến

Bà Hà Hồng Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Viết M (Vy Viết M), sinh năm 1940; địa chỉ: Đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1934; địa chỉ: Đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng N - chi nhánh B - Lạng Sơn. Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Kim V, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn C (Hoàng C); sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Ông Dương Đức H; sinh năm 1959; địa chỉ: Đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Ông Phạm Văn Đ; sinh năm 1941; địa chỉ: Đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Ông Phạm Văn T; sinh năm 1964; địa chỉ: Đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Ông Phan Văn D; sinh năm 1973; địa chỉ: Đường Đ, phường C, thành

phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

7. Ông Phạm Văn T1; địa chỉ: Đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31 tháng 7 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lý Viết M (Vy Viết M) trình bày:

Tổ hợp T (sau đây viết tắt là Tổ hợp) được thành lập từ năm 1987 do ông là Tổ trưởng. Năm 1988, ông Trần Văn N cán bộ của Ngân hàng tỉnh L đang chờ nghỉ hưu là người cùng xóm đã giới thiệu công trình xây dựng trụ sở Ngân hàng huyện B cho ông. Do ông Trần Văn N có nghiệp vụ kế toán nên ông thuê ông Trần Văn N là Kế toán bên nhận thầu, ông và ông Trần Văn N đã hợp tác nhận thầu công trình trên. Ngày 10/4/1988, ông với tư cách là chủ nhiệm Tổ hợp đại diện bên nhận thầu và ông Nguyễn Tiến T - Phó Giám đốc Ngân hàng huyện B đại diện cho bên chủ đầu tư ký Hợp đồng xây dựng giao thầu khoán gọn (sau đây viết tắt là Hợp đồng) xây dựng công trình trụ sở Ngân hàng huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là Ngân hàng N - chi nhánh B - Lạng Sơn (sau đây viết tắt là Ngân hàng). Nội dung Hợp đồng về phía nhận thầu thể hiện có ông là Tổ trưởng Tổ hợp, có tài khoản tại Ngân hàng thị xã L còn ông Trần Văn N là kế toán người trực tiếp chỉ đạo thi công và thanh quyết toán công trình. Quá trình thi công, ông là người bỏ tiền ra mua nguyên vật liệu, thuê thợ, giám sát công trình...Việc xây dựng công trình được thực hiện từ tháng 4/1988 đến tháng 8/1988 thì hoàn thành. Theo Bảng thanh toán khối lượng xây lắp ngày 27/8/1988 số tiền công trình được thanh toán là 21.728.181 đồng (chỉ phí phát sinh hơn 12 triệu đồng không được thanh toán). Ngân hàng đã thanh toán số tiền 21.728.181 đồng cho ông Trần Văn N nhưng ông Trần Văn N không giao lại số tiền đó cho ông. Từ đó đến nay ông đã khiếu nại, tố cáo đến nhiều cơ quan Nhà nước từ địa phương đến Trung ương về việc Ngân hàng chi trả tiền sai quy định dẫn đến việc ông là chủ thầu mà chưa được thanh toán tiền công trình nhưng quyền lợi của ông vẫn chưa được giải quyết. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N với tư cách là kế toán của bên nhận thầu phải trả lại cho ông với tư cách là Tổ trưởng Tổ hợp - chủ thầu số tiền 21.728.181 đồng mà Ngân hàng đã thanh toán tiền công trình.

Tại các bản khai bị đơn ông Trần Văn N trình bày: Năm 1988, ông và ông Lý Viết M (Vy Viết M) hợp tác nhận thầu công trình xây dựng trụ sở Ngân hàng huyện B. Mặc dù trong Hợp đồng, ông tham gia với tư cách là kế toán của bên nhận thầu nhưng thực chất ông vừa là kế toán vừa là chủ thầu vì ông là người trực tiếp tìm thuê thợ, bỏ tiền ra mua nguyên vật liệu, trả công thợ, trực tiếp giám sát thi công và nghiệm thu công trình... còn ông Lý Viết M không bỏ tiền ra, không đóng vai trò gì trong việc thi công công trình. Việc ông hợp tác với ông Lý Viết M là để ông Lý Viết M khi đó là Tổ trưởng Tổ hợp đứng tên ký Hợp đồng còn lúc đó ông đang là cán bộ của Ngân hàng tỉnh L chờ nghỉ hưu không thể ký hợp đồng. Hợp đồng có nội dung: ông Trần Văn N là kế toán,

người trực tiếp chỉ đạo thi công và thanh quyết toán công trình, chỉ có ông Trần Văn N mới được nhận tiền thanh quyết toán công trình. Ông Lý Viết M là người đã ký Hợp đồng thì phải chấp nhận quy định của hợp đồng.

Thực tế quá trình thi công, ông là người trực tiếp thi công công trình, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình. Từng giai đoạn thi công là đào móng, xây móng, xây tường, đổ mái, hoàn thiện, ông và Ngân hàng tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán theo từng giai đoạn. Bản thân ông là người trực tiếp nghiệm thu và nhận tiền từ Ngân hàng. Tổng số tiền được thanh quyết toán công trình là 21.728.181 đồng do ông nhận trực tiếp từ Ngân hàng thành nhiều lần theo từng giai đoạn nêu trên. Sau khi hoàn thành công trình, ông đã tính toán, xác định được lãi khoảng 1.000.000 đồng và đã chia đôi ông và ông Lý Viết M mỗi người 500.000 đồng. Ông không còn giữ những tài liệu chứng cứ liên quan đến việc ông thi công công trình và chia tiền công trình cho ông Lý Viết M vì năm 2014 ông bị ốm nặng sợ không qua khỏi nên đã bảo người nhà đốt hết giấy tờ, tài liệu của ông đi. Ông khẳng định ông vừa là kế toán, vừa là chủ thầu của bên nhận thầu, ông Lý Viết M không đóng vai trò gì ngoài việc đứng tên để ký Hợp đồng. Việc ông nhận tiền công trình với Ngân hàng là đúng theo quy định tại Hợp đồng mà ông Lý Viết M là người ký, số tiền thi công công trình là của ông nên ông không có trách nhiệm phải đưa số tiền đó cho ông Lý Viết M. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Viết M và cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N - chi nhánh B là ông Hoàng Kim V Giám đốc Ngân hàng trình bày: Năm 1988, Ngân hàng ký hợp đồng xây dựng trụ sở với Tổ hợp và đã thực hiện thanh toán Hợp đồng theo đúng quy định của Hợp đồng đã ký kết. Do thời gian đã lâu Ngân hàng không còn lưu giữ các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng công trình. Nay, Ngân hàng xác định không liên quan trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt Ngân hàng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại đơn trình bày ngày 26 tháng 8 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn C trình bày: Năm 1988, Ngân hàng ký Hợp đồng xây dựng trụ sở làm việc của Ngân hàng với Tổ hợp do ông Lý Viết M làm Tổ trưởng; ông Trần Văn N là kế toán, trực tiếp chỉ đạo thi công, trực tiếp thanh toán, quyết toán với Ngân hàng. Hợp đồng được hai bên thỏa thuận, ký kết và thực hiện nghiêm túc theo những nội dung đã đề ra. Ông Trần Văn N là người đại diện trực tiếp chỉ đạo thi công, trực tiếp thanh toán, quyết toán công trình với Ngân hàng là đúng nguyên tắc. Để đảm bảo công trình thực hiện đúng tiến độ, trong quá trình chỉ đạo thi công ông Trần Văn N là người trực tiếp tạm ứng tiền với Ngân hàng để chi phí cho công trình (mua nguyên vật liệu, chi phí nhân công...) và trực tiếp thanh toán với Ngân hàng các khoản đã tạm ứng. Công trình hoàn thành nghiệm thu, ông Trần Văn N là người cùng Ngân hàng tổng hợp lập bảng quyết toán khối lượng xây lắp công trình, tổng chi phí hoàn thành là 21.728.181 đồng. Ngân hàng đã thanh toán số tiền trên cho ông Trần Văn N

đầy đủ. Việc thanh toán, chia tiền giữa ông Trần Văn N và ông Lý Viết M là việc nội bộ của hai người. Do đó, Ngân hàng và cá nhân ông không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án này.

Tại Biên bản giao văn bản tố tụng ngày 25/10/2019, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, ông Dương Đức H, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn T1 đều khai: Các ông không liên quan gì đến việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản giữa ông Lý Viết M và ông Trần Văn N, đề nghị Tòa án không triệu tập các ông tham gia vụ án.

Tại bản khai và tại phiên tòa ông Phan Văn D trình bày: Ông không phải là thành viên của Tổ hợp. Năm 1988, ông được góp cho ông Lý Viết M số tiền 500.000 đồng để được học việc tại Xưởng mộc của ông Lý Viết M. Còn việc ông Lý Viết M đã sử dụng số tiền đó cụ thể làm việc gì ông không biết. Năm 1992 ông Lý Viết M đã trả lại ông số tiền trên đây đủ. Ông xác định không liên quan đến vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn phát biểu ý kiến:
Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng xây dựng giao thầu khoán gọn ngày 10/4/1988 thể hiện ông Lý Viết M (Vy Viết M) - Tổ trưởng Tổ hợp T là đại diện phía bên nhận thầu đã ký Hợp đồng với bên chủ đầu tư; ngoài ra, ông Lý Viết M còn lưu giữ và xuất trình được các hóa đơn thanh toán vật tư, chi phí công trình nên có căn cứ xác định ông Lý Viết M là chủ thầu. Còn ông Trần Văn N theo Hợp đồng là Kế toán của bên nhận thầu, trực tiếp chỉ đạo thi công và thanh quyết toán công trình; ông Trần Văn N khẳng định ông thực tế là chủ thầu nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó việc ông Trần Văn N chiếm hữu số tiền công trình được bên chủ đầu tư thanh toán 21.728.181 đồng là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 166, 579, 580 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Viết M, buộc ông Trần Văn N phải trả lại ông Lý Viết M số tiền 21.728.181 đồng. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Lý Viết M khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N là với tư cách là kế toán bên nhận thầu trả lại cho ông số tiền thanh toán công trình 21.728.181 đồng đã nhận với Ngân hàng vì ông là chủ thầu; vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn N cư trú tại đường Đ, phường C, thành phố L; vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết vụ án là đúng thẩm

quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án được thụ lý với quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sở hữu tài sản, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự. Bị đơn ông Trần Văn N cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện và đề nghị Tòa án áp dụng quy định thời hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về người tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện ông Lý Viết M đưa các ông Phạm Văn T, ông Dương Đức H, ông Phạm Văn Đ, ông Phan Văn D, ông Phạm Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và triệu tập các ông có tên nêu trên đến Tòa án để lấy lời khai nhưng các ông trên không có văn bản ý kiến gì về việc thụ lý vụ án cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lý Viết M xác định các ông Phạm Văn T, ông Dương Đức H, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn T1 thực chất không liên quan trực tiếp đến việc nhận thầu và thi công công trình xây dựng trụ sở Ngân hàng mà chỉ là liên quan gián tiếp, cụ thể: các ông trên có người là thành viên của Tổ hợp khi tham gia Tổ hợp phải nộp một khoản tiền vào quỹ của Tổ hợp, có người không phải là thành viên của Tổ hợp nhưng góp tiền để học việc và để Tổ hợp hoạt động. Ông Lý Viết M là Tổ trưởng Tổ hợp quản lý số tiền góp này và sử dụng một phần số tiền đó để đầu tư xây dựng một số công trình trong đó có công trình xây dựng trụ sở Ngân hàng. Khi Tổ hợp giải thể ông đã trả lại tài sản, tiền góp cho Tổ viên và những người khác đầy đủ. Còn việc nhận thầu công trình xây dựng trụ sở Ngân hàng chỉ có ông và ông Trần Văn N tham gia thực hiện nên ông không yêu cầu đưa các ông nêu trên tham gia vụ án. Ông Trần Văn N cũng khai Bên nhận thầu chỉ có 02 người là ông và ông Lý Viết M. Tại Biên bản giao văn bản tố tụng ngày 25/10/2019, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, ông Dương Đức H, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn T1 đều khai: Các ông không liên quan gì đến việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản giữa ông Lý Viết M và ông Trần Văn N, đề nghị Tòa án không triệu tập các ông tham gia tố tụng trong vụ án. Ông Phan Văn D cũng khai không liên quan đến vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các ông Phạm Văn T, Dương Đức H, Phạm Văn Đ, Phan Văn D, Phạm Văn T1 không liên quan trực tiếp đến vụ án, các ông nêu trên chỉ có quan hệ với ông Lý Viết M trong việc góp tiền, nếu có tranh chấp với ông Lý Viết M sẽ được giải quyết bằng quan hệ pháp luật khác trong một vụ án khác khi có yêu cầu khởi kiện. Việc các ông nêu trên không tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Đối với ông Hoàng Văn C và đại diện Ngân hàng đã có lời khai và có đơn xin giải quyết vắng mặt trong mọi giai đoạn tố tụng giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Lý Viết M, ông Trần Văn N và ông Hoàng Văn C đều khai: ngày 10/4/1988 Ngân hàng là bên chủ đầu tư và Tổ hợp là bên nhận thầu đã ký Hợp đồng xây dựng giao thầu khoán gọn xây dựng công trình

trụ sở Ngân hàng, đại diện của bên chủ đầu tư là ông Nguyễn Tiến T – Phó giám đốc Ngân hàng và đại diện bên nhận thầu là ông Vy Viết M (Lý Viết M) đã ký và đóng dấu vào hợp đồng. Hồ sơ vụ án chỉ có bản Hợp đồng phô tô do ông Lý Viết M và ông Hoàng Văn C cung cấp và đều thừa nhận bản hợp đồng phô tô này, còn ông Trần Văn N cho rằng bản Hợp đồng phô tô là không hợp lệ nên không thừa nhận. Thấy ông Trần Văn N không thừa nhận giá trị bản Hợp đồng phô tô nhưng thừa nhận thực tế có việc hai bên ký Hợp đồng với nội dung, thành phần và thời gian ký kết đúng như bản Hợp đồng phô tô. Tại Hợp đồng ghi rõ: “ Về phía nhận thầu: Ông Vy Viết M Tổ trưởng Tổ hợp T có TK ... tại Ngân hàng thị xã L... ông Trần Văn N là kế toán người trực tiếp chỉ đạo thi công và thanh quyết toán công trình...”. Như vậy, có căn cứ xác định bên chủ đầu tư là Ngân hàng và bên nhận thầu là Tổ hợp đã ký Hợp đồng xây dựng giao thầu khoán gọn để xây dựng công trình trụ sở Ngân hàng với thời gian, thành phần và nội dung ký kết như trên. Hợp đồng đã được thực hiện, công trình xây dựng đã hoàn thành và được nghiệm thu; số tiền thi công công trình được nghiệm thu và thanh quyết toán cho bên nhận thầu là 21.728.181 đồng; Ngân hàng thanh toán số tiền trên cho bên nhận thầu, người trực tiếp nhận tiền là ông Trần Văn N; điều này được bản thân ông Trần Văn N thừa nhận nên tình tiết này không cần phải chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định ông Trần Văn N là người chiếm hữu số tiền thanh toán công trình 21.728.181 đồng của bên nhận thầu.

[5] Về bên nhận thầu: Thời gian ký kết và thực hiện Hợp đồng là năm 1988, thời gian đó Nghị định số 54-CP ngày 10/3/1975 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ về chế độ Hợp đồng kinh tế có hiệu lực thi hành và đó là căn cứ để các bên giao kết Hợp đồng nêu trên. Tại Điều 2 Điều lệ quy định: “...Trong mọi hoạt động kinh tế có liên quan với nhau đều bắt buộc phải ký kết hợp đồng kinh tế...các đơn vị, tổ chức, cơ quan nói sau đây (gọi tắt là các đơn vị ký kết) phải ký kết hợp đồng kinh tế: ...Các tổ chức sản xuất tiểu thủ công nghiệp và thủ công nghiệp được phép kinh doanh và có tài khoản ở ngân hàng.

Không có hợp đồng kinh tế thì ... không được thanh toán...”.

Tại Điều 9 Điều lệ quy định về thủ tục ký kết hợp đồng kinh tế: “...Tổ trưởng các tổ sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phải trực tiếp ký vào hợp đồng kinh tế, không được ủy quyền cho người khác...”. Như đã nêu ở mục [4] bên nhận thầu được xác định là Tổ hợp có con dấu và tài khoản, do ông Lý Viết M là Tổ trưởng, là người đại diện hợp pháp của Tổ hợp, là chủ tài khoản, là người có thẩm quyền ký đóng dấu. Ông Trần Văn N là kế toán của bên nhận thầu nhưng không phải là thành viên Tổ hợp mà là cán bộ Ngân hàng tỉnh L chờ nghỉ hưu, điều này được ông Lý Viết M và ông Trần Văn N thừa nhận. Do đó, xác định phía bên nhận thầu ông Lý Viết M là người có vai trò chính quyết định, lời khai của ông Lý Viết M về việc ông là chủ thầu thuê ông Trần Văn N làm kế toán cho bên nhận thầu là có cơ sở.

[6] Ông Trần Văn N khẳng định ông vừa là kế toán vừa là chủ thầu, là người thuê thợ, bỏ tiền ra mua nguyên vật liệu xây dựng và mọi chi phí xây dựng công trình, trực tiếp giám sát thi công trình... nhưng ngoài lời khai, ông

Trần Văn N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; trong khi có căn cứ chứng minh ông Lý Viết M là Tổ trưởng Tổ hợp (đơn vị kinh tế có con dấu và tài khoản tại ngân hàng), là người đại diện hợp pháp của bên nhận thầu đã trực tiếp ký kết Hợp đồng với bên chủ đầu tư. Hơn nữa, ông Lý Viết M còn lưu giữ và cung cấp được một số giấy tờ, tài liệu thể hiện ông Lý Viết M là người mua nguyên vật liệu và thanh toán chi phí xây dựng công trình. Bản thân ông Trần Văn N cũng thừa nhận các tài liệu, giấy tờ do ông Lý Viết M giao nộp là giấy tờ thanh toán nguyên vật liệu và chi phí xây dựng công trình nhưng cho rằng những giấy tờ đó là do ông thanh toán lấy về và đưa cho ông Lý Viết M cất giữ. Xét thấy, những giấy tờ, tài liệu trên thể hiện ông Lý Viết M là người chi trả, thanh toán tiền, không có tài liệu nào thể hiện ông Trần Văn N thanh toán tiền. Do đó, lời khai của ông Trần Văn N về việc ông Trần Văn N là người bỏ tiền ra xây dựng công trình mâu thuẫn và không có căn cứ. Việc ông Trần Văn N cho rằng Hợp đồng gốc có thêm nội dung "chỉ có ông Trần Văn N mới được nhận tiền công trình với Ngân hàng". Xét thấy, nếu Hợp đồng có thêm nội dung này thì cũng chỉ chứng minh được ông Trần Văn N có tư cách đại diện cho bên nhận thầu thực hiện việc thanh quyết toán, nhận tiền công trình với Ngân hàng, nội dung đó không là căn cứ chứng minh ông Trần Văn N là chủ thầu thực sự có quyền sở hữu số tiền Ngân hàng thanh quyết toán công trình.

[7] Ông Lý Viết M là người đại diện hợp pháp của bên nhận thầu (Tổ hợp), là người đã bỏ tiền ra chi phí xây dựng công trình nên số tiền Ngân hàng thanh toán công trình 21.728.181 đồng thuộc sở hữu của ông Lý Viết M. Ông Trần Văn N nhận tiền với Ngân hàng không giao lại cho ông Lý Viết M mà tự giữ lại là sự chiếm hữu bất hợp pháp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Văn N phải trả số tiền đã chiếm giữ bất hợp pháp nêu trên cho ông Lý Viết M là có căn cứ và đúng pháp luật theo quy định tại Điều 166, 579 và 580 Bộ luật Dân sự.

[8] Về trách nhiệm bồi thường bồi thường thiệt hại: Không đề cập xem xét, giải quyết do ông Lý Viết M không yêu cầu.

[9] Về nghĩa vụ chịu án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, ông Lý Viết M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 579, 580, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 235, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Viết M.

Buộc bị đơn ông Trần Văn N phải trả cho ông Lý Viết M (Vy Viết M) số tiền (đã làm tròn) 21.728.000 đồng (hai mươi một triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Ông Lý Viết M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Lý Viết M số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ Tòa án số AA/2015/0001878, ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Buộc ông Trần Văn N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Thanh Xuyên